

Số: 935/QĐ-ĐHTB

Sơn La, ngày 18 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định xét cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên của Trường Đại học Tây Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Căn cứ Quyết định số 39/2001/QĐ-TTg ngày 23/3/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tây Bắc;

Căn cứ Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT ngày 26/10/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định mã số, tiêu chuẩn CDNN, bổ nhiệm và xếp lương đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở GDĐH công lập; Thông tư 04/2022/TT-BGDĐT ngày 04/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 35/2020/TT-BGDĐT và Thông tư số 40/2020/TT-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 31/2021/TT-BGDĐT ngày 10/11/2021 quy định tiêu chuẩn, điều kiện thi hoặc xét thăng hạng; nội dung, hình thức và việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng CDNN viên chức giảng dạy trong các trường CĐSP và cơ sở giáo dục đại học công lập;


Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tây Bắc ban hành theo Nghị quyết số 36/NQ-HĐTĐHTB ngày 11/11/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Tây Bắc;

Theo đề nghị của Trường phòng Tổ chức - Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định xét cử viên chức dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên của Trường Đại học Tây Bắc (có Quy định kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để th/h);
- Lưu: VT, TC-HC (3b).



**QUY ĐỊNH
XÉT CỬ VIÊN CHỨC DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG
CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 133/QĐ-ĐHTB ngày 18 tháng 8 năm
2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về, nguyên tắc, cách tính điểm, căn cứ xác định, quy trình xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức của Trường Đại học Tây Bắc.

Điều 2. Nguyên tắc xét dự thi hoặc xét thăng hạng

1. Cá nhân được xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành.

2. Có nguyện vọng của cá nhân và tờ trình của đơn vị về nhu cầu đối với chức danh nêu được bổ nhiệm.

3. Cá nhân được dự thi hoặc xét thăng hạng khi Trường có nhu cầu về vị trí, chức danh dự xét.

4. Việc xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng phải bảo đảm đúng quy định của pháp luật, thể hiện tính công bằng, khách quan, công tâm đáp ứng được yêu cầu của Nhà trường trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên trong giai đoạn mới.

5. Căn cứ để lựa chọn cá nhân tham gia dự thi hoặc xét thăng hạng dựa trên tổng số điểm đạt được theo các tiêu chí chấm điểm tại Phụ lục của Quy định này.

Điều 3. Cách tính điểm

1. Dựa trên cơ sở các tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh, các tiêu chí được quy ra điểm cụ thể trong bảng Phụ lục kèm theo của Quy định này.

3. Điểm của mỗi cá nhân là tổng điểm của tất cả các tiêu chí.

Điều 4. Căn cứ xác định viên chức được chọn cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng

1. Nhà trường xác định số chỉ tiêu và phân bổ chỉ tiêu hằng năm theo ngành đào tạo.



Cm

2. Viên chức được cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng là những cá nhân có điểm số (theo cách tính điểm tại Điều 3 Quy định này) tính từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu theo từng ngành đã được Nhà trường phê duyệt.

3. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm bằng nhau (ở chỉ tiêu cuối cùng) thì việc xác định người được chọn cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng được xác định theo thứ tự ưu tiên như sau:

- a) Viên chức là nữ;
- b) Viên chức là người dân tộc thiểu số;
- c) Viên chức có thời gian công tác tại Trường nhiều hơn;
- d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh).

4. Trường hợp vẫn không xác định được cá nhân dự thi hoặc xét thăng hạng theo thứ tự ưu tiên như trên thì do Hiệu trưởng xem xét quyết định.

Chương II. QUY TRÌNH XÉT THĂNG HẠNG

Điều 5. Quy trình xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng

1. Căn cứ Quy định này, căn cứ thông báo của các cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, Trường thông báo kế hoạch xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng đến các đơn vị.

2. Hiệu trưởng xin chủ trương của Đảng ủy, Hội đồng Trường về nhu cầu, số lượng cử đi hằng năm và việc phân bổ chỉ tiêu theo ngành.

3. Các đơn vị căn cứ vào phê duyệt chỉ tiêu theo ngành đào tạo và Quy định này để xét chọn và lập tờ trình gửi Hiệu trưởng (qua Phòng Tổ chức - Hành chính)

4. Hiệu trưởng thành lập Hội đồng xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

5. Hội đồng tiến hành họp xét, tư vấn cho Hiệu trưởng về việc xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

6. Kết quả xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp sẽ được thông báo trên hệ thống quản lý văn bản nội bộ loffice và website Trường.

7. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo kết quả, các cá nhân có thể đề nghị xem xét lại kết quả hoặc khiếu nại, tố cáo các vấn đề có liên quan.

8. Sau khi đã giải quyết xong các ý kiến đề xuất, khiếu nại, tố cáo (nếu có), Hiệu trưởng ban hành quyết định cử đi dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Điều 6. Hội đồng xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp và Tổ Giúp việc cho Hội đồng

1. Hiệu trưởng thành lập Hội đồng và Tổ Giúp việc trên cơ sở tham mưu của Phòng Tổ chức - Hành chính.



CNB

2. Hội đồng có số lượng 05 hoặc 07 thành viên, gồm Chủ tịch Hội đồng và các ủy viên Hội đồng, trong đó có 01 ủy viên thường trực là lãnh đạo Phòng Tổ chức - Hành chính.

3. Hội đồng có chức năng tham mưu, tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xét cử dự thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

4. Hội đồng có trách nhiệm giải trình trước Hiệu trưởng và các cá nhân, đơn vị trong Trường về kết quả xét dự thi hoặc xét thăng hạng.

5. Hội đồng và Tổ Giúp việc được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành của Nhà trường.

Điều 7. Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng

Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng gồm:

- a) Đơn đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng;
- b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức có xác nhận của cơ quan quản lý hoặc sử dụng viên chức;
- c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức, trong đó nêu cụ thể kết quả đánh giá, phân loại viên chức hằng năm của năm liền kề gần nhất;
- d) Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề nghiệp đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng (được chứng thực);
- đ) Quyết định bổ nhiệm hạng chức danh nghề nghiệp hiện tại;
- e) Quyết định lương hiện hưởng của hai bậc lương gần nhất;
- g) Bản sao các Quyết định thành lập tổ nghiên cứu, biên soạn...; biên bản nghiệm thu đề án, đề tài của cơ quan có thẩm quyền.
- h) Bản sao các minh chứng theo tiêu chí chấm điểm (ban hành trong Phụ lục kèm theo).
- i) Hồ sơ đăng ký dự thi hoặc xét thăng hạng của viên chức đựng trong bì riêng.

Chương III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị

1. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường có trách nhiệm tổ chức, hướng dẫn viên chức trong đơn vị thực hiện nghiêm túc những nội dung của Quy định này.

2. Phòng Tổ chức - Hành chính chịu trách nhiệm triển khai các nội dung, thủ tục, quy trình liên quan tới hồ sơ dự thi hoặc xét thăng hạng của viên chức của Nhà trường; lưu giữ hồ sơ theo quy định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



CNL

2. Thời điểm xét dự thi thăng hạng theo năm và theo thông báo của các cơ quan có thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề chưa rõ, phát sinh hoặc vướng mắc đề nghị các đơn vị, cá nhân trao đổi với Phòng Tổ chức - Hành chính để được giải đáp. Quy định có thể được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường./

Caka

0.1

PHỤ LỤC
TÍNH ĐIỂM XÉT CỬ VIÊN CHỨC DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG
HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP GIẢNG VIÊN

I. GIẢNG VIÊN CAO CẤP

STT	Tiêu chuẩn tối thiểu	Yêu cầu	Tính điểm
1	Bảng Tiến sĩ phù hợp với vị trí việc làm, chuyên môn giảng dạy	Đạt	
-	Có thêm bảng CN tin học (đối với người có chuyên môn khác ngành tin học)		1.0
-	Có thêm bảng CN ngoại ngữ (đối với người có chuyên môn khác chuyên môn ngoại ngữ)		1.0
-	Có thêm bảng ThS ngành khác		1.0
-	Có bảng TS ngành khác		1.0
2	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học	Đạt	
3	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong thời gian của năm liền trước với năm xét đi thi hoặc xét nâng hạng	Đạt	
-	HTXS nhiệm vụ		1.0
4	Chủ trì thực hiện ít nhất 02 (hai) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên	Đạt	
-	Chủ trì thêm 1 đề tài KHCN cấp quốc gia		3.0
-	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia		1.0
-	Chủ trì thêm 1 đề tài Bộ/ngành/tỉnh		1.0
-	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ KHCN cấp bộ, tỉnh		0.5
-	Chủ trì thêm 1 đề tài cấp cơ sở		0.5
5	Hướng dẫn ít nhất 02 (hai) học viên được cấp bằng thạc sĩ hoặc hướng dẫn chính hoặc phụ ít nhất 01 (một) nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ; - Đối với giảng viên giảng dạy các ngành thuộc nhóm ngành khoa học sức khỏe, hướng dẫn 01 (một) học viên bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa hoặc bác sĩ nội trú được tính như hướng dẫn 01 (một) học viên được cấp bằng thạc sĩ. - Đối với giảng viên giảng dạy các ngành nghệ thuật có thể thay thế việc hướng dẫn chính hoặc phụ 01 (một) nghiên cứu sinh bằng 01 (một) công trình nghiên cứu, sáng tác được giải thưởng có uy tín trong và ngoài nước. - Đối với giảng viên không tham gia hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ thì số lượng đề tài nghiên cứu khoa học đã được nghiệm thu phải gấp 02 (hai) lần số lượng đề tài nghiên cứu khoa học quy định ở mục này.	Đạt	
-	Hướng dẫn chính NCS được cấp bằng tiến sĩ		2.0
-	Hướng dẫn phụ NCS được cấp bằng tiến sĩ		1.0
-	Hướng dẫn học viên được cấp bằng thạc sĩ		0.5
-	Hướng dẫn học viên bảo vệ thành công luận văn chuyên khoa hoặc bác sĩ nội trú		0.5
6	Chủ trì biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa	Đạt	



	vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN;		
-	Sách chuyên khảo về vấn đề khoa học liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực		3.0
-	Sách chuyên khảo về vấn đề khoa học trong phạm vi ngành, lĩnh vực		2.0
-	Giáo trình được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT phê duyệt		3.0
-	Giáo trình được Hiệu trưởng phê duyệt		2.0
-	Sách tham khảo		1.5
-	Sách hướng dẫn		1.0
8	Thời gian giữ chức danh giảng viên chính hoặc tương đương tối thiểu là 06 năm (ít nhất 01 năm (đủ 12 tháng) giữ hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên (hạng II))	Đạt	
-	Mỗi năm giữ chức danh giảng viên chính công tác tại Trường		0.1
9	Có ít nhất 06 (sáu) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN;	Đạt	
-	Cho điểm tối đa theo khung điểm đối với các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định		
10	Công trình nghiên cứu, sáng tác trong lĩnh vực nghệ thuật được giải thưởng quốc gia, quốc tế		
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc tế (giải nhất)		2.0
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc tế (giải nhì)		1.5
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc tế (giải ba)		1.0
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc gia (giải nhất)		1.0
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc gia (giải nhì)		0.75
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc gia (giải ba)		0.5
11	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế		
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế (giải nhất)		2.0
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế (giải nhì)		1.5
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế (giải ba)		1.0
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia (giải nhất)		1.0
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia (giải nhì)		0.75
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia (giải ba)		0.5

II. GIẢNG VIÊN CHÍNH

STT	Tiêu chuẩn	Yêu cầu	Tính điểm
1	Có bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, ngành hoặc chuyên ngành giảng dạy	Đạt	

-	Có thêm bằng CN tin học,		1.0
-	Có thêm bằng CN ngoại ngữ		1.0
-	Có thêm bằng ThS ngành khác		1.0
-	Có bằng TS đúng ngành		1.0
2	Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học	Đạt	
3	Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự thi hoặc xét thăng hạng	Đạt	
-	HTXS nhiệm vụ		1.0
4	Chủ trì thực hiện ít nhất 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả từ đạt yêu cầu trở lên	Đạt	
-	Chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia		3.0
-	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia		1.0
-	Chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp Bộ/Tỉnh		1.0
-	Thành viên thực hiện chính nhiệm vụ KHCN cấp Bộ/Tỉnh		0.5
-	Chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở		0.5
6	Chủ trì hoặc tham gia biên soạn ít nhất 01 (một) sách phục vụ đào tạo, được hội đồng khoa học (do thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học hoặc cấp có thẩm quyền phê duyệt thành lập) thẩm định, nghiệm thu và đưa vào sử dụng trong đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên phù hợp với ngành, chuyên ngành giảng dạy hoặc đào tạo của giảng viên và có mã số chuẩn quốc tế ISBN	Đạt	
-	Sách chuyên khảo về vấn đề khoa học liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực		3.0
-	Sách chuyên khảo về vấn đề khoa học trong phạm vi ngành, lĩnh vực		2.0
-	Giáo trình được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT phê duyệt		3.0
-	Giáo trình được Hiệu trưởng phê duyệt		2.0
-	Sách tham khảo		1.5
-	Sách hướng dẫn		1.0
7	Thời gian giữ chức danh giảng viên hoặc tương đương tối thiểu 09 năm đối với người có bằng thạc sĩ, 06 năm đối với người có bằng tiến sĩ	Đạt	
-	Mỗi năm giữ chức danh giảng viên công tác tại Trường		0.1
8	Tác giả của ít nhất 03 (ba) bài báo khoa học là công trình nghiên cứu khoa học của giảng viên đã được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN	Đạt	
-	Cho điểm tối đa theo khung điểm đối với các bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học do Hội đồng Giáo sư Nhà nước quy định		
9	Công trình nghiên cứu, sáng tác trong lĩnh vực nghệ thuật được giải thưởng quốc gia, quốc tế		
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc tế (giải nhất)		2.0
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc tế (giải nhì)		1.5
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc tế (giải ba)		1.0
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc gia (giải nhất)		1.0
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc gia (giải nhì)		0.75
-	Tác phẩm nghệ thuật đạt giải thưởng quốc gia (giải ba)		0.5

NG
IQC
JAC

10	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế		
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế (giải nhất)		2.0
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế (giải nhì)		1.5
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc tế (giải ba)		1.0
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia (giải nhất)		1.0
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia (giải nhì)		0.75
-	Thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia (giải ba)		0.5

Ghi chú:

- Tiêu chí tính điểm cộng phải đáp ứng các tiêu chuẩn “đạt”.
- Các thành tích tính trong thời gian giữ hạng chức danh nghề nghiệp hiện hưởng.
- Mỗi kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ được quy đổi phải có nội dung phù hợp với ngành, chuyên ngành đang giảng dạy, vị trí việc làm đang đảm nhiệm.
- Bài báo khoa học có nội dung trùng lặp từ 30% trở lên với công trình khác của cùng tác giả thì chỉ được tính điểm 1 lần. Không thực hiện tính điểm quy đổi đối với sách phục vụ đào tạo, bài báo khoa học được hình thành từ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được tính điểm quy đổi.
- Kết quả hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ quy đổi có nhiều tác giả tham gia thì tác giả chính được hưởng 1/3 số điểm, số điểm còn lại được chia theo giá trị đóng góp của từng thành viên tham gia, kể cả tác giả chính; trường hợp không thể xác định cụ thể giá trị đóng góp của mỗi người thì số điểm còn lại được chia đều cho các thành viên tham gia, kể cả tác giả chính. Trường hợp không thể xác định được tác giả chính thì chia đều cho từng người.

cnb

